

Bản án số: 39 /2023/DS - PT

Ngày 08 - 5 - 2023

*“V/v tranh chấp chia tài sản
chung và chia thừa kế”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Mai

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Bích Ngọc

Ông Nguyễn Xuân Trọng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đường Thái Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 02
năm 2023 về việc “tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DSST ngày 12/01/2023 của Tòa án
nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 4
năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Kim Thị A, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị
trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Kim Thị A: Chị Đào Thị Khánh H,
sinh năm 1993; Địa chỉ: Thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ dân phố P,
thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thu T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thành phố V, tỉnh Vĩnh
Phúc (có mặt).

- Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1995 (có mặt).

- Chị Đào Thị H1, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. *Người kháng cáo:* Bà Kim Thị A.

5. *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 3 năm 2022 và những lời khai tiếp theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Đào Thị Khánh H trình bày:

Bà Kim Thị A kết hôn cùng ông Nguyễn Minh P từ năm 1989 và sinh được 03 người con chung gồm: Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1989; chị Nguyễn Thu T, sinh năm 1991 và chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1995. Quá trình chung sống, năm 1991 vợ chồng bà A và ông P có mua được 01 thửa đất thổ cư số 429, tờ bản đồ số 22, diện tích 159 m² (theo bản đồ VN 2000 thửa đất số 209, tờ bản đồ số 13 diện tích 165 m²) ở Tổ dân phố P, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 750053 ngày 12/8/2006 đứng tên chủ sử dụng đất là bà Kim Thị A. Khoảng đầu năm 2005 vợ chồng bà A có xây 01 căn nhà 03 tầng diện tích khoảng 100 m² trên đất để sử dụng, năm 2007 bà A tiếp tục xây dựng 01 kho hàng 02 tầng diện tích khoảng 59 m² để lưu giữ hàng hóa buôn bán. Toàn bộ số tiền dùng để xây nhà năm 2005 và xây kho năm 2007 đều do bà A tự chi trả do tại thời điểm đó ông P bị ốm thường xuyên, các con đều còn nhỏ nên không có đóng góp gì.

Đến tháng 11/2005, ông Nguyễn Minh P chết không để lại di chúc. Sau khi ông P chết, bà A cùng các con tiếp tục sinh sống ổn định trên đất và không có tranh chấp với ai. Từ năm 2018 trở lại đây, do những bất đồng quan điểm sống và công việc làm ăn nên giữa bà A và vợ chồng anh K, chị H1 thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Anh K và chị H1 thường có những lời lẽ xúc phạm nghiêm trọng đến bà A, khiến bà A không thể tiếp tục sinh sống trên đất nên bà A phải đi thuê nhà ở nơi khác.

Vì vậy, bà A khởi kiện anh Nguyễn Trung K đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xem xét, giải quyết những yêu cầu sau:

- Chia tài sản chung của vợ chồng bà Kim Thị A và ông Nguyễn Minh P là thửa đất thổ cư số 429, tờ bản đồ số 22, diện tích 159 m² (theo bản đồ vn thửa đất số 209, tờ bản đồ số 13 diện tích 165 m²) và tài sản trên đất là nhà xây ba tầng của vợ chồng bà A và ông P ở Tổ dân phố P, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Chia di sản thừa kế do ông Nguyễn Minh P (đã chết) để lại là 1/2 giá trị tài sản theo quy định của pháp luật. Bà Kim Thị A xin được sử dụng toàn bộ tài sản và bà A sẽ thanh toán kỹ phần thừa kế bằng tiền cho các đồng thừa kế.

Bị đơn anh Nguyễn Trung K trình bày: Anh là con trai của bà Kim Thị A và ông Nguyễn Minh P, bố mẹ anh sinh được 3 anh em như bà Kim Thị A đã trình bày là đúng.

Bố anh đã chết năm 2005, khi bố anh còn sống thì bố mẹ anh có 01 thửa đất số 429, tờ bản đồ số 22, diện tích 159 m² ở địa chỉ TDP P, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, trên đất có nhà xây ba tầng và các công trình trên đất là của bố mẹ anh làm nên. Sau khi bố anh chết, bà Kim Thị A có quan hệ bất chính với người đàn ông khác tên là Dương Văn K1 (xã T, huyện Y), anh em anh đã phản đối và khuyên mẹ nhiều lần nhưng mẹ anh không nghe, còn nghe theo lời ông K1 thuê người đến đánh anh và các em. Hiện nay mẹ anh đang ở cùng ông Dương Văn K1 trên thửa đất diện tích khoảng 100m² ở khu V, thị trấn T. Nguồn gốc đất đó là do mẹ anh đã bán thửa đất ở khu Phúc Sơn để mua đất ở Khu V.

Nay mẹ anh yêu cầu chia tài sản chung của bố mẹ anh và yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bố anh để lại quan điểm anh không đồng ý vì lý do hiện nay vợ chồng anh cùng em gái đang ở trên nhà đất nói trên, anh muốn giữ nguyên hiện trạng và đề nghị mẹ anh về ở cùng vợ chồng anh. Nếu phải chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của bố anh để lại thì anh yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và anh đề nghị giao cho mẹ anh sử dụng toàn bộ tài sản đồ dùng sinh hoạt trong nhà và nhà kho vì đó là tài sản riêng của mẹ anh. Còn về tài sản nhà xây ba tầng và đất ở anh đề nghị được tiếp tục sử dụng phần diện tích đất và nhà xây ba tầng để lấy nơi ăn ở vì hiện nay vợ chồng anh không có nơi ăn ở nào khác, em gái là Nguyễn Thị Hồng N chưa lấy chồng, bản thân anh bị khuyết tật không lao động được. Hiện nay mẹ anh đã có nơi ăn ở là khu đất ở V và đang chung sống cùng ông K1 trên thửa đất đó. Anh sẽ thanh toán trả cho bà Kim Thị A phần tài sản mà bà A được hưởng bằng tiền. Đối với kỹ phần thừa kế mà các em anh tặng cho anh thì anh đồng ý nhận và tự nguyện chịu án phí thay cho các em gái của anh.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Hồng N và Nguyễn Thị Thu Trang trình bày: Các chị là con gái của bà Kim Thị A và ông Nguyễn Minh P, bố mẹ các chị sinh được 3 anh em như mẹ chị và anh trai đã trình bày. Về tài sản nhà đất theo như mẹ và anh trai các chị đã trình bày với Tòa án. Nay mẹ các chị có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu chia thừa kế di sản của bố các chị để lại, quan

điểm các chị không đồng ý với yêu cầu của mẹ các chị vì lý do: Sau khi bố các chị chết, bà Kim Thị A có quan hệ bất chính với người đàn ông khác tên là Dương Văn K1 ở xã T, huyện Y. Sau đó anh em các chị đã phản đối và khuyên mẹ nhưng mẹ không nghe, bản thân chị T đã đi lấy chồng từ năm 2019 và ở riêng còn chị N cũng đi làm ít khi ở nhà. Hiện nay vợ chồng anh K, chị H1 đang ở trên nhà đất của bố mẹ, còn bà Kim Thị A đang ở cùng với ông K1 tại khu V, thị trấn T. Các chị là con gái nên không có nhu cầu gì về việc chia đất đai nhà cửa, mục đích các chị muốn để nhà đất cho anh trai các chị tiếp tục sử dụng vì anh trai chị là con trai duy nhất có trách nhiệm thờ cúng. Nếu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của bố mẹ các chị và chia thừa kế tài sản của bố các chị để lại thì các chị đề nghị chia di sản thừa kế theo pháp luật và các chị tặng cho anh trai là Nguyễn Trung K được hưởng toàn bộ kỷ phần thừa kế mà các chị được hưởng. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho anh Nguyễn Trung K có nơi ăn ở.

Tại phiên tòa chị Đào Thị H1 vắng mặt, tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2022 chị Đào Thị H1 trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn Trung K và là con dâu của bà Kim Thị A, chị kết hôn với anh K năm 2015, sau khi kết hôn vợ chồng chị ở chung cùng mẹ chồng là bà Kim Thị A còn bố chồng chị là ông Nguyễn Minh P đã chết trước khi chị về làm dâu. Khi chị về chung sống cùng anh K thì đã có sẵn nhà đất, năm 2018 mẹ chồng chị có làm thêm kho hàng trên mảnh đất nói trên, khi đó vợ chồng chị ở chung với mẹ chồng nên không có đóng góp về kinh tế nhưng có đóng góp công sức.

Về tài sản nhà đất theo như chồng chị là anh Nguyễn Trung K đã trình bày, chị không có ý kiến gì. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng chị với bà Kim Thị A là do sau khi bố chồng chết thì mẹ chồng chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên anh em anh K đã phản đối, hiện nay mẹ chồng chị đã ở trên thửa đất diện tích khoảng 100m² ở khu V, thị trấn T. Nguồn gốc đất đó là do mẹ chồng chị mua để ở cùng người tình trên thửa đất đó.

Nay mẹ chồng chị yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu chia thừa kế tài sản của bố chồng chị để lại thì quan điểm chị không có ý kiến gì vì lý do chị chỉ là người làm dâu, không có quyền gì. Chị đề nghị Tòa án xem xét, tạo điều kiện cho vợ chồng chị có nơi ăn ở vì vợ chồng chị không có nơi ăn ở nào khác, còn mẹ chồng chị đã có nhà đất ở khu V, bản thân anh Nguyễn Trung K là người khuyết tật nên bị hạn chế khả năng lao động nên chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng chị có nơi ăn ở.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2023

của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường đã quyết định: Căn cứ vào khoản 2 Điều 213; Điều 357, Điều 468, khoản 1 Điều 609, Điều 611; Điều 612, Điều 613, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651; Điều 660 của Bộ luật dân sự; Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp phần yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị A về việc phân chia tài sản chung của bà với ông Nguyễn Minh P và yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Minh P đã chết để lại.

Xác nhận thửa đất số 429, tờ bản đồ số 22 diện tích 159m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Kim Thị A (Theo bản đồ VN 2000 thửa số 209, tờ bản đồ số 13 diện tích 165m²), diện tích đất thực tế đo đạc 165 m² trị giá 1.650.000.000 đồng, trên đất có nhà xây ba tầng trị giá 572.250.000đồng và 01 cổng sắt trị giá 1.000.000đ. Tổng cộng tài sản trị giá 2.223.250.000đ (Hai tỷ, hai trăm hai mươi ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) là tài sản chung của bà Kim Thị A và ông Nguyễn Minh P.

Xác nhận phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Minh P để lại là 1/2 giá trị tài sản nói trên bằng tiền là 1.111.625.000đ (Một tỷ, một trăm mười một triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Chia cho bà Kim Thị A được quyền sử dụng 73,7m² đất thổ cư của thửa đất số 429, tờ bản đồ số 22 (theo bản đồ Vn thửa số 209, tờ bản đồ số 13) ở Tổ dân phố P, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc trị giá 737.000.000đồng, trên đất có 01 nhà kho chứa hàng (có chỉ giới 1,2,3,6 theo sơ đồ đo vẽ ngày 07/7/2022 kèm theo).

Chia cho anh Nguyễn Trung K được quyền sử dụng 91,3m² đất thổ cư của thửa đất số 429, tờ bản đồ số 22 (theo bản đồ Vn thửa số 209, tờ bản đồ số 13) ở Tổ dân phố P, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (trong đó có 85,3 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 06 m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) trị giá 913.000.000đồng, trên đất có 01 nhà xây ba tầng trị giá 572.250.000đồng cùng sân gạch, lối trồng cây trên phần đất được giao (có chỉ giới 3,4,5,6 theo sơ đồ đo vẽ ngày 07/7/2022 kèm theo) và 01 cổng sắt trị giá 1.000.000đồng. Tổng tài sản anh K được sử dụng trị giá 1.486.250.000đ (Một tỷ, bốn trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc anh Nguyễn Trung K phải có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản

được hưởng cho bà Kim Thị A số tiền là 652.531.250 đồng (được làm tròn là 652.531.000 đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi án sơ thẩm xử xong ngày 30 tháng 01 năm 2023 bà Kim Thị A kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm. Đề nghị giao toàn bộ tài sản cho bà, trường hợp nếu không được chia toàn bộ bà xin sử dụng đất và nhà 03 tầng.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ban hành kháng nghị số 168/QĐKNPT - VKS - DS đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm giao cho bà A tài sản bằng hiện vật và diện tích đất tương ứng với giá trị tài sản bà được hưởng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị chấp nhận kháng cáo, kháng nghị, sửa bản án dân sự sơ thẩm. Giao cho bà A nhà 03 tầng trên diện tích đất 91,3m²; giao cho anh K 01 nhà xây gạch lợp tôn, khung sắt, gác xép gỗ, tôn thường bịt xung quanh, tầng hai mái lợp tôn chống nóng trên diện tích đất 73,7m². Bà A thanh toán chênh lệch tài sản cho anh K theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Kim Thị A và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc trong thời hạn luật định hợp lệ cần chấp nhận. Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đào Thị H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị H1 vẫn vắng mặt do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H1 theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Kim Thị A và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh nhận thấy: Tài sản của bà Kim Thị A và ông Nguyễn Minh P có thửa đất số 429, tờ bản đồ số 22, diện tích 159 m² đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Kim Thị A vào ngày 12/8/2006. Diện tích đất thực tế đo đạc ngày 07/7/2022 là 165 m² là đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp vì vậy cấp sơ thẩm đã xác định tài sản chung của ông P, bà A có 165 m² và ngôi nhà xây 03 tầng là có căn cứ.

Ông P chết ngày 04/11/2005 không để lại di chúc vì vậy ông P, bà A mỗi người được quyền sử dụng 1/2 diện tích thửa đất nói trên và được quyền sở hữu

1/2 giá trị của ngôi nhà xây 3 tầng và tài sản gắn liền với đất. Cụ thể: Căn cứ vào biên bản định giá ngày 07/7/2022 thửa đất trị giá bằng $10.000.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 165 \text{ m}^2 = 1.650.000.000\text{đ}$; 01 nhà xây ba tầng trị giá 572.250.000đ, 01 cổng sắt trị giá 1.000.000đ, tổng tài sản trị giá 2.223.250.000đ. Như vậy mỗi người được hưởng giá trị tài sản là 1.111.625.000đ.

Về thời hiệu chia thừa kế: Ông P chết năm 2005. Theo quy định của pháp luật thời hiệu chia thừa kế là 30 năm nên yêu cầu chia thừa kế của bà A còn thời hiệu theo quy định của pháp luật.

Về diện và hàng thừa kế: Bà A yêu cầu chia thừa kế của ông P nên diện và hàng thừa kế của ông P có bà A và 03 con Nguyễn Trung K, sinh năm 1989; Nguyễn Thu T, sinh năm 1991 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1995.

Về việc phân chia di sản thừa kế: di sản thừa kế của ông P trị giá 1.111.625.000đ được chia đều cho 4 kỹ phần thừa kế, mỗi kỹ phần được hưởng 277.906.250đ. Chị T, chị N tự nguyện cho anh Nguyễn Trung K được hưởng kỹ phần thừa kế của mình nên anh K được 03 suất thừa kế trị giá 833.718.750đ. Bà Kim Thị A được chia 01 suất thừa kế trị giá 277.906.250đ. Như vậy tổng giá trị tài sản bà A được hưởng từ việc chia tài sản chung và chia di sản thừa kế là 1.389.531.250đ.

Tuy nhiên cấp sơ thẩm đã chia cho bà A tài sản là quyền sử dụng 73,7m² đất thổ cư của thửa đất số 429, tờ bản đồ số 22 (theo bản đồ VN thửa số 209, tờ bản đồ số 13) ở Tổ dân phố P, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc trị giá 737.000.000đ, trên đất có 01 nhà kho chứa hàng là chưa phù hợp với công sức và tài sản mà bà A hiện có.

Mặc dù anh Nguyễn Trung K là người bị khuyết tật từ bé (cụt bàn tay phải, cụt chân phải) nhưng vẫn tự lao động được và có thu nhập, có vợ con nên cấp sơ thẩm đã nhận định lý do anh K là người khuyết tật, hiện nay không có nơi ăn ở nào khác để giao cho anh K đất và nhà 3 tầng là chưa hợp lý.

Kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng bà A có công sức đóng góp lớn vào việc tạo lập tài sản vì ông P mất khi ngôi nhà 3 tầng chưa hoàn thiện, các con còn nhỏ không đóng góp được gì. Bà A đã cao tuổi hiện đang đi thuê nhà nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại giao cho anh K sử dụng ngôi nhà 3 tầng là không công bằng đối với công sức của bà A. Nội dung kháng nghị là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm anh K cho rằng bà A đã mua nhà đất và đang ở cùng ông K1 và cung cấp 01 USB trong đó có đoạn băng ghi âm của người làm chứng thể hiện việc mua bán đất giữa bà A và người bán đất, nguồn tiền do bà A bán đất ở Phúc Sơn. Tuy nhiên tài liệu trên không đủ căn cứ pháp lý để khẳng định bà A

đã mua nhà đất.

Tại phiên tòa bà A có quan điểm xin sử dụng diện tích đất trên đó có nhà 3 tầng và thanh toán chênh lệch tài sản cho anh K, chia cho anh K diện tích đất trên đất có 01 nhà kho chứa hàng, bà không yêu cầu anh K phải thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho bà. Do vậy kháng cáo của bà A và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là có cơ sở chấp nhận, cấp phúc thẩm cần sửa bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi của bà A theo quy định của pháp luật.

Cụ thể: Chia cho bà Kim Thị A được quyền sử dụng 91,3m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 429, tờ bản đồ số 22 tại Tổ dân phố P, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc trị giá 913.000.000đồng, trên đất có 01 nhà xây ba tầng trị giá 572.250.000đ cùng sân gạch, lối trồng cây trên phần đất được giao và 01 cổng sắt trị giá 1.000.000đ. Tổng tài sản trị giá 1.486.250.000đ. Hiện tài sản do anh K đang quản lý, sử dụng nên anh K có trách nhiệm phải giao trả cho bà A tài sản trên.

Chia cho anh Nguyễn Trung K được quyền sử dụng 73,7m² đất thổ cư của thửa đất số 429, tờ bản đồ số 22 ở Tổ dân phố P, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc trị giá 737.000.000đồng, trên đất có 01 nhà kho chứa hàng của bà A trị giá 125.290.000đ.

Bà A không yêu cầu anh K thanh toán giá trị tài sản trên đất nên cấp phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bà không buộc anh K phải thanh toán giá trị 01 nhà xây gạch lợp tôn, khung sắt, gác xép gỗ, tôn thường bít xung quanh, tầng hai mái lợp tôn chống nóng cho bà Kim Thị A. Tuy nhiên cân đối tài sản được chia thừa kế bà A phải thanh toán chênh lệch tài sản cho anh K là 96.719.000đ, bà A nhất trí thanh toán chênh lệch tài sản, điều này cũng phù hợp vừa có tình, vừa có lý nhằm tạo điều kiện cho anh K có kinh phí sửa chữa lại 01 nhà xây gạch lợp tôn, khung sắt, gác xép gỗ, tôn thường bít xung quanh, tầng hai mái lợp tôn chống nóng trên diện tích đất 73,7m² để tạo lập nơi ở mới.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về chi phí tố tụng: Bà Kim Thị A tự nguyện nộp số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản (xác nhận đã nộp đủ).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Kim Thị A phải chịu 53.686.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.700.000đ (Chín triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005460 ngày 14/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Bà Kim Thị A phải nộp tiếp số tiền 43.986.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phải nộp

là 300.000đ.

Miễn án phí cho anh Nguyễn Trung K đối với kỷ phần mà anh K được chia nên anh Nguyễn Trung K phải chịu 27.790.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với hai kỷ phần được chị Nguyễn Thu T và chị Nguyễn Thị Hồng N tặng cho.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bà Kim Thị A và Kháng nghị số 168/QĐKNPT - VKS - DS của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 213; Điều 357, Điều 468, khoản 1 Điều 609, Điều 611; Điều 612, Điều 613, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651; Điều 660 của Bộ luật dân sự; Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp phần yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị A về việc phân chia tài sản chung của bà và ông Nguyễn Minh P, yêu cầu phân chia địa sản thừa kế của ông Nguyễn Minh P.

Xác nhận thửa đất số 429, tờ bản đồ số 22 diện tích 159m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Kim Thị A (Theo bản đồ VN 2000 thửa số 209, tờ bản đồ số 13 diện tích 165m²), diện tích đất thực tế đo đạc 165 m² trị giá 1.650.000.000đ, trên đất có nhà xây ba tầng trị giá 572.250.000đ và 01 cổng sắt trị giá 1.000.000đ. Tổng cộng tài sản trị giá 2.223.250.000đ (Hai tỷ, hai trăm hai mươi ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) là tài sản chung của bà Kim Thị A và ông Nguyễn Minh P.

Xác nhận phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Minh P để lại là 1/2 giá trị tài sản nói trên bằng tiền là 1.111.625.000đ (Một tỷ một trăm mười một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2. Chia cho bà Kim Thị A được quyền sử dụng 91,3m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 429, tờ bản đồ số 22 tại Tổ dân phố P, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (trong đó có 85,3 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và

06 m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) trị giá 913.000.000đ, trên đất có 01 nhà xây ba tầng trị giá 572.250.000đ cùng sân gạch, lối trồng cây trên phần đất được giao (có chỉ giới 3,4,5,6 theo sơ đồ đo vẽ ngày 07/7/2022 kèm theo) và 01 cổng sắt trị giá 1.000.000đ. Tổng tài sản trị giá 1.486.250.000đ (Một tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Buộc anh Nguyễn Trung K phải giao các tài sản trên cho bà Kim Thị A.

3. Chia cho anh Nguyễn Trung K được quyền sử dụng 73,7m² đất thổ cư của thửa đất số 429, tờ bản đồ số 22 ở Tổ dân phố P, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc trị giá 737.000.000đồng, trên đất có 01 nhà xây gạch lợp tôn, khung sắt, gác xép gỗ, tôn thường bít xung quanh, tầng hai mái lợp tôn chống nóng trên diện tích đất 73,7m² trị giá 125.290.000đ (có chỉ giới 1,2,3,6 theo sơ đồ đo vẽ ngày 07/7/2022 kèm theo).

Bà Kim Thị A có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Nguyễn Trung K là 96.719.000 đồng (*Chín mươi sáu triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật anh Nguyễn Trung K có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Kim Thị A không thanh toán trả anh K khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về chi phí tố tụng và án phí: Bà Kim Thị A tự nguyện nộp số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản (xác nhận đã nộp đủ).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Kim Thị A phải chịu 53.686.000đ án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.700.000đ (*Chín triệu bảy trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0005460 ngày 14/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Bà A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phải nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0005866 ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Bà Kim Thị A phải nộp tiếp số tiền 43.686.000 đồng (*Bốn mươi ba triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí cho anh Nguyễn Trung K đối với kỷ phần mà anh K được chia. Anh Nguyễn Trung K phải chịu 27.790.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với hai kỷ phần được chị Nguyễn Thu T và Chị Nguyễn Thị Hồng N tặng cho.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của

Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thuý Mai